

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐỘC MỘC NATURE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐỘC MỘC NATURE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOC MOC NATURE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DOC MOC NATURE TRAD, JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110068201

**3. Ngày thành lập:** 21/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 01, Tòa nhà VG Tower, 235 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965081228

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                  | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                     | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                 | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                 | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                    | 4659     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                | 8299     |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                          | 9511     |
| 11. | Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình                                                                              | 9810     |
| 12. | Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình                                                                               | 9820     |

|     |                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                              | 6201 |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                | 6202 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                    | 6209 |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                             | 6311 |
| 17. | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                             | 6312 |
| 18. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                          | 7212 |
| 19. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                        | 7213 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                           | 7320 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán) | 7490 |
| 23. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                     | 1701 |
| 24. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                | 1702 |
| 25. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                             | 2023 |
| 26. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                              | 2100 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                             | 4774 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                   | 4781 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                    | 4791 |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                               | 4799 |
| 31. | Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                    | 5820 |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4741 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh            | 4759 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Kinh doanh thuốc cổ truyền | 4772(Chính) |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí và loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                  | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM NGỌC CẢNH | Số 251 khu 3, Thị Trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    | 034089002270                                                                                |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                             | Tổng số                   | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                 |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | BÙI ĐẠI NAM     | Khu Dân Dân Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 | 036085003308 |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 |              |
|   |                 |                                                                                 |                           |        |             |        |              |
| 3 | PHẠM XUÂN THÀNH | Số 251 khu 3, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 | 034081006762 |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 30,000 |              |
|   |                 |                                                                                 |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM NGỌC CẢNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034089002270

Ngày cấp: 10/09/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 251 khu 3, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 251 khu 3, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội